

MỐI QUAN HỆ GIỮA TÂY XANH TRONG CÔNG BỐ THÔNG TIN ESG VÀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG: VAI TRÒ ĐIỀU TIẾT CỦA CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI VIỆT NAM

Lê Trung Đạo¹, Phạm Hồng Văn^{2*}

¹Trường Đại học Tài chính – Marketing

²Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Email: phamhongvan23@gmail.com

Ngày nhận: 10/04/2026 Ngày nhận lại: 11/05/2026 Ngày đăng: 25/06/2026

DOI: 10.52932/jfmr.v17i1visp.1344

Phục lục 1: Bảng tổng hợp thang đo

Biến	Mã hóa	Thang đo	Nguồn
Tây xanh (GW)	GW1	Ngân hàng gây hiểu nhầm bằng ngôn từ khi mô tả các đặc tính liên quan đến môi trường	(Y.-S. Chen & Chang, 2013) (Mohammed và cộng sự, 2025)
	GW2	Ngân hàng gây hiểu nhầm thông qua hình ảnh hoặc đồ họa liên quan đến môi trường	
	GW3	Ngân hàng đưa ra các tuyên bố “xanh” mang tính mơ hồ hoặc không thể kiểm chứng	
	GW4	Ngân hàng phóng đại mức độ “xanh” của mình	
	GW5	Ngân hàng che giấu các thông tin quan trọng nhằm làm cho các tuyên bố “xanh” trông tích cực hơn	
Chuyển đổi số (DT)	DT1	Ngân hàng triển khai các quy trình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số (dữ liệu lớn, phân tích dữ liệu, điện toán đám mây, di động, mạng xã hội).	(Aral & Weill, 2007) (Nwankpa & Roumani, 2016)
	DT2	Ngân hàng tích hợp các công nghệ số nhằm thúc đẩy sự thay đổi trong tổ chức.	
	DT3	Hoạt động kinh doanh của Ngân hàng đang dịch chuyển theo hướng gia tăng sử dụng công nghệ số.	
Đổi mới về môi trường (EP)	EP2	Cung cấp thiết bị & giải pháp hệ thống tiết kiệm năng lượng	(Oladapo, 2024)
	EP3	Giảm chi phí và lãng phí	
	EP4	Phù hợp với các nguyên tắc đạo đức kinh doanh và các quy định pháp luật hiện hành	
Hiệu quả hoạt động (FP)	FP1	Khả năng sinh lời	(Tippins & Sohi, 2003) (Nwankpa & Roumani, 2016)
	FP2	Khả năng duy trì khách hàng	
	FP3	Tỷ suất hoàn vốn đầu tư	
	FP4	Tăng trưởng doanh thu	

Phụ lục 2: Tổng hợp phân tích thống kê các đặc điểm nhân khẩu học

	Đặc điểm	Tần suất	Tỷ lệ (%)	
Giới tính	Nam		133	43.6
	Nữ		158	51.8
	Khác		14	4.6
Độ tuổi	Dưới 25 tuổi		71	23.3
	Từ 25 - 34 tuổi		111	36.4
	Từ 35 - 44 tuổi		82	26.9
	Từ 45 tuổi trở lên		41	13.4
Thâm niên	Dưới 1 năm		53	17.4
	Từ 1-3 năm		112	36.7
	Từ 3-5 năm		71	23.3
	Trên 5 năm		69	22.6
Chức danh	Nhân viên		186	61.0
	Quản lý		116	38.0
	Khác		3	1.0
Nhóm ngân hàng	Ngân hàng có vốn Nhà nước chi phối		115	37.7
	Ngân hàng thương mại cổ phần không có vốn Nhà nước chi phối		126	41.3
	Ngân hàng sở hữu nước ngoài		64	21.0
Khu vực làm việc	Thành phố lớn (Hà Nội, TP.HCM, Đà Nẵng, Hải Phòng, Cần Thơ...)		242	79.3
	Tỉnh/thành khác		63	20.7

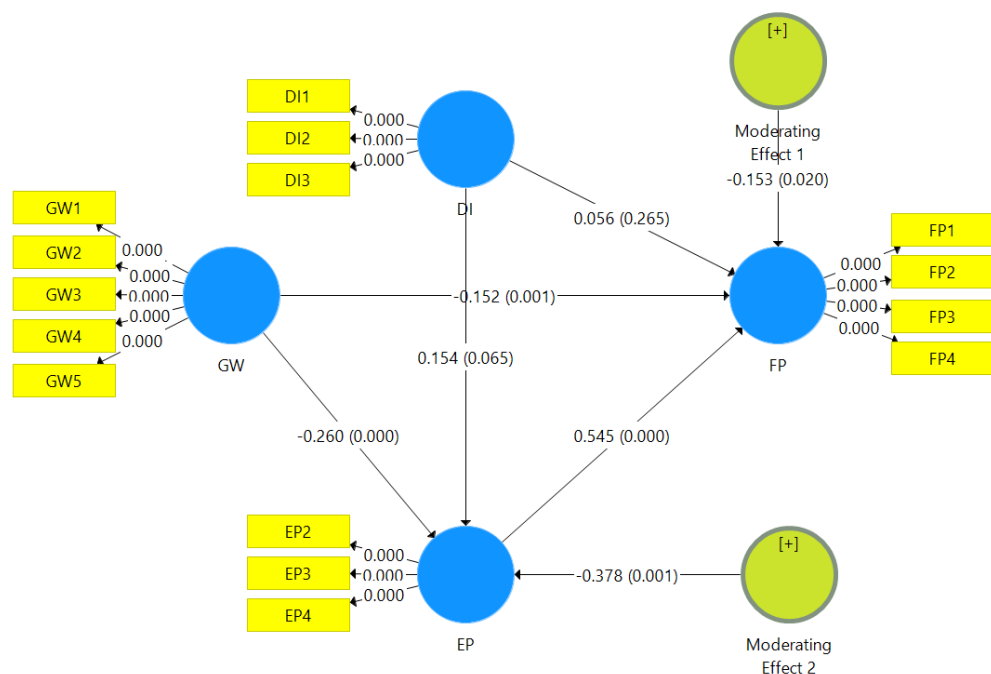
Phụ lục 3: Kết quả đánh giá độ tin cậy và chất lượng của thang đo

Biến	Thang đo	Hệ số tải ngoài	Hệ số Alpha (Cronbach's alpha)	Độ tin cậy tổng hợp (ρ_a)	Phương sai trích trung bình (AVE)
Tây xanh (GW)	GW1	0,861	0,920	0,930	0,756
	GW2	0,880			
	GW3	0,866			
	GW4	0,862			
	GW5	0,877			
Chuyển đổi số (DT)	DT1	0,790	0,806	0,881	0,712
	DT2	0,846			
	DT3	0,892			
Đổi mới về môi trường (EP)	EP2	0,790	0,707	0,707	0,630
	EP3	0,805			
	EP4	0,786			
Hiệu quả hoạt động (FP)	FP1	0,808	0,828	0,830	0,660
	FP2	0,831			
	FP3	0,818			
	FP4	0,793			

Phụ lục 4: Kết quả đánh giá HTMT

	DI	EP	FP	GW	GW x DT
DI					
EP	0,171				
FP	0,150	0,844			
GW	0,190	0,393	0,401		
GW x DT	0,213	0,406	0,364	0,114	

Phụ lục 5: Kết quả kiểm định mô hình cấu trúc



Phụ lục 6: Bảng kết quả R² (R - Square)

	R Square	R Square Adjusted
EP	0,221	0,213
FP	0,461	0,453

Phụ lục 7: Bảng kết quả F² (f - Square)

	DI	EP	FP	GW	Moderating Effect 1	Moderating Effect 2
EP			0,430			
FP						
GW		0,083	0,037			
Moderating Effect 1			0,029			
Moderating Effect 2		0,140				

Phụ lục 8. Kết quả đánh giá vấn đề đa cộng tuyến

	DI	EP	FP	GW
DI		1,077	1,107	
EP			1,283	
FP				
GW		1,053	1,140	
Moderating Effect 1			1,206	
Moderating Effect 2		1,058		

Phụ lục 9. Bảng kiểm định tác động trực tiếp của các giả thuyết

	Original Sample (O)	Sample Mean (M)	Standard Deviation (STDEV)	T Statistics (O/STDEV)	P Values
EP -> FP	0,545	0,545	0,053	10,227	0,000
GW -> EP	-0,260	-0,269	0,069	3,786	0,000
GW -> FP	-0,152	-0,156	0,046	3,271	0,001
Moderating Effect 1 -> FP	-0,153	-0,147	0,066	2,328	0,020
Moderating Effect 2 -> EP	-0,378	-0,357	0,113	3,330	0,001

Phụ lục 10. Bảng kiểm định tác động gián tiếp của các giả thuyết

	Original Sample (O)	Sample Mean (M)	Standard Deviation (STDEV)	T Statistics (O/STDEV)	P Values
GW -> EP -> FP	-0,142	-0,146	0,039	3,685	0,000
Moderating Effect 2 -> EP -> FP	-0,206	-0,194	0,063	3,268	0,001